



# CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH TUẦN 43-2026

Chủ Nhật, 25 Tháng Mười 2026

TUẦN GIAO DỊCH: 26-30/10/2026:



| CHỈ BÁO XU HƯỚNG |          |           |
|------------------|----------|-----------|
| SMA (50)         | 1.772,22 | MUA       |
| SMA (100)        | 1.809,55 | BÁN       |
| SMA (200)        | 1.796,65 | BÁN       |
| MACD (12,26)     | 5,86     | BÁN       |
| CHỈ BÁO DAO ĐỘNG |          |           |
| MFI (14)         | 39,84    | TRUNG LẬP |
| RSI (14)         | 57,24    | MUA       |

**Tổng quan:**

VN-Index đang vận động trong xu hướng giảm trung hạn khi đóng cửa nằm dưới đường SMA (100,200). Trong đó, chỉ báo SMA (20) đại diện cho xu hướng ngắn hạn và SMA (50,100,200) đại diện cho xu hướng trung - dài hạn.

**Nhận định:**

Trong tuần giao dịch 26-30/10, khả năng áp lực chốt lãi tiếp tục duy trì khiến đà tăng của VN-Index chững lại quanh vùng 1.800 – 1.850 điểm.

Căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông tiếp tục đẩy giá dầu thế giới tăng cao. Điều này làm dấy lên lo ngại về nguy cơ lạm phát gia tăng, chi phí vận tải và sản xuất leo thang, đồng thời gây áp lực lên tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Chuyên viên Phân tích  
**Mai Trung Nghĩa**  
Email: [ngiamt@vikkibanks.vn](mailto:ngiamt@vikkibanks.vn)



(Mô phỏng)



Tích cực

**Kịch bản Tích cực:** Tiếp tục hướng đến mục tiêu của nhịp hồi quanh ngưỡng 1.800 – 1.850 điểm trong bối cảnh chỉ báo MACD cho tín hiệu mua trở lại.

**Kịch bản Thận trọng:** Vấp phải áp lực chốt lãi mạnh mẽ khiến VN-Index đảo chiều điều chỉnh và vận động tạo đỉnh vai phải theo mẫu hình Head & Shoulders. Nếu Neckline (quanh vùng 1.700 điểm) bị xuyên thủng, khả năng cao xu hướng điều chỉnh sẽ còn tiếp diễn và mục tiêu hướng về vùng 1.600 điểm đóng vai trò là hỗ trợ quan trọng trong trung – dài hạn.

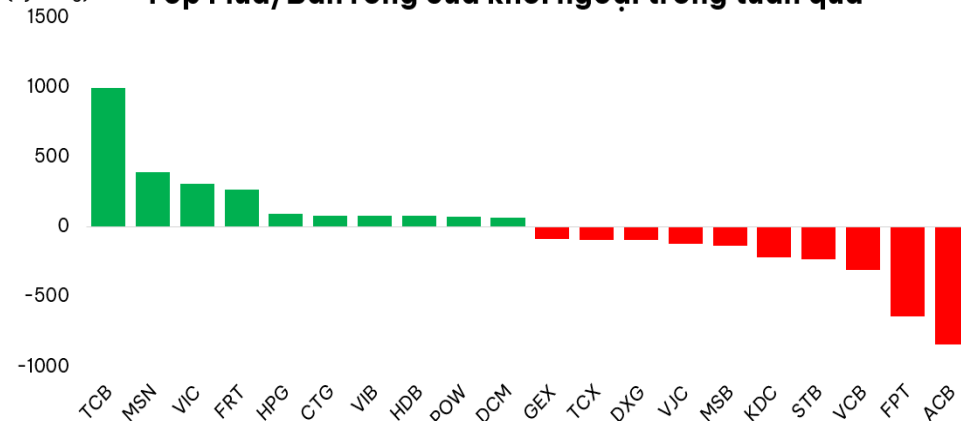


Thận trọng

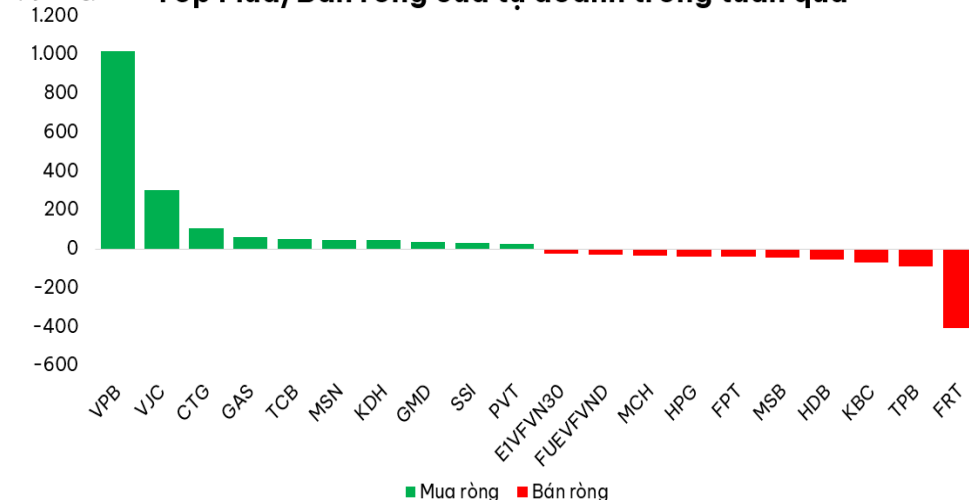


## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI & TỰ DOANH

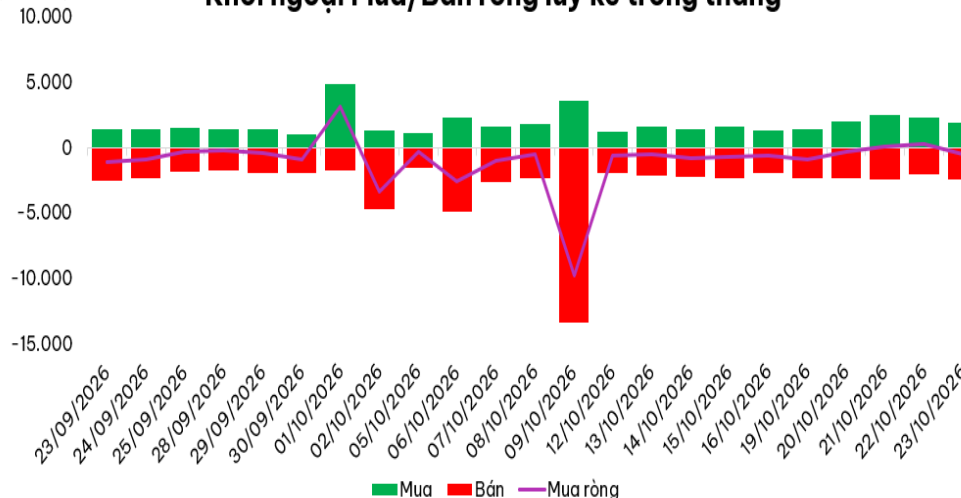
(Tỷ đồng) Top Mua/Bán ròng của khối ngoại trong tuần qua



(Tỷ đồng) Top Mua/Bán ròng của tự doanh trong tuần qua



(Tỷ đồng) Khối ngoại Mua/Bán ròng lũy kế trong tháng



- Khối ngoại thu hẹp quy mô bán ròng trong tuần giao dịch vừa qua với tổng giá trị bán ròng đạt 4.312,62 tỷ đồng. Trong khi đó, tổng giá trị mua ròng trên cả 3 sàn đạt 3.209,03 tỷ đồng. (Số liệu lấy từ ngày 19/10/2026 đến 23/10/2026).
- Tự doanh đảo chiều mua ròng trong tuần giao dịch vừa qua với tổng giá trị mua ròng đạt 1.338,18 tỷ đồng. Trong khi đó, tổng giá trị bán ròng trên cả 3 sàn đạt 1.212,51 tỷ đồng. (Số liệu lấy từ ngày 19/10/2026 đến 23/10/2026).

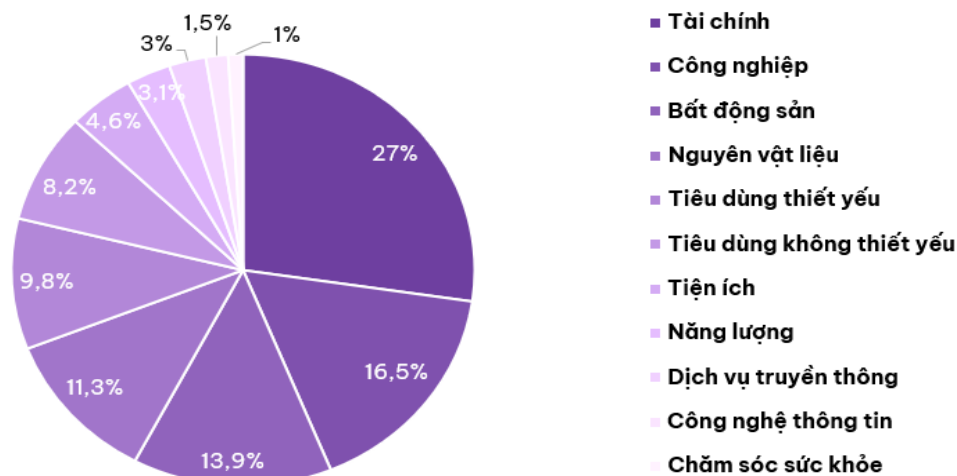


## DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG

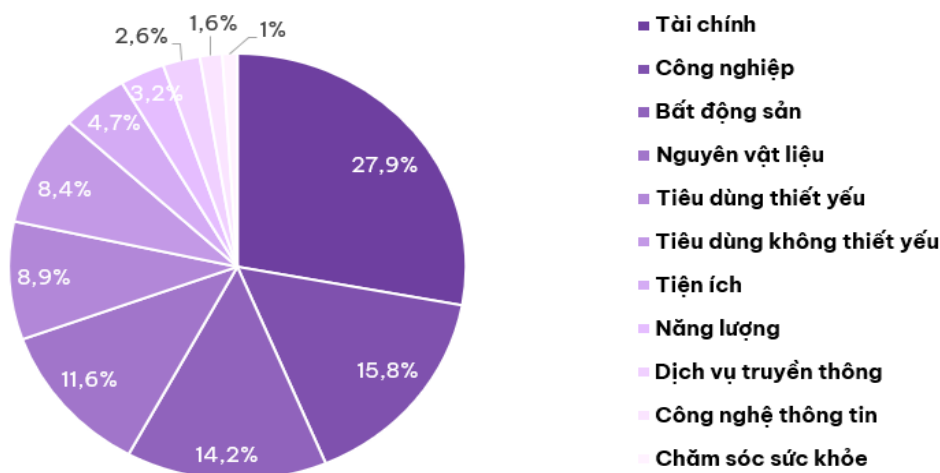
## CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH TUẦN 43-2026

Chủ Nhật, 25 Tháng Mười 2026

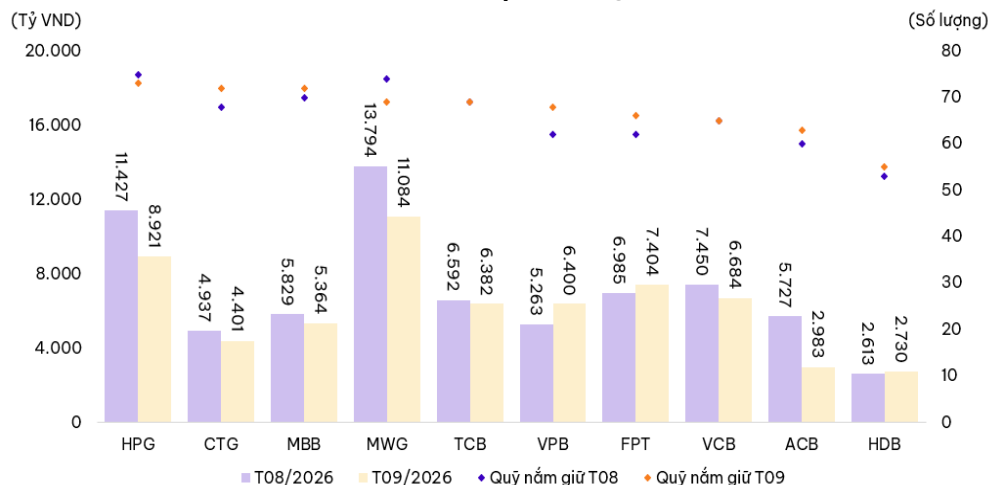
Phân bố theo ngành – Tháng 08/2026



Phân bố theo ngành – Tháng 09/2026



Top 10 mã cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



- Theo biểu đồ phân bố tháng 08/2026, các nhóm ngành như tài chính, công nghiệp và bất động sản được các quỹ ưa thích với tỷ các tỷ trọng lần lượt là 27%, 16,5% và 13,9%.
- Tuy nhiên, bước sang tháng 09/2026, tỷ trọng có sự thay đổi nhẹ. Cụ thể, nhóm tài chính và bất động sản ghi nhận mức tăng lần lượt là 0,9% và 0,3% trong khi nhóm công nghiệp giảm 0,7%.
- Trong đó, các mã cổ phiếu như MWG, HPG và VCB được các quỹ ưa thích trong giai đoạn vừa qua.





# CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH TUẦN 43-2026

Chủ Nhật, 25 Tháng Mười 2026

## HIỆU SUẤT & DÒNG TIỀN QUỸ MỞ (Số liệu cập nhật đến ngày 22/10/2026)

| Mã                  | Tổng NAV (tỷ VND) | Hiệu suất |        |         |         | Dòng tiền (tỷ VND) |          |           |           |
|---------------------|-------------------|-----------|--------|---------|---------|--------------------|----------|-----------|-----------|
|                     |                   | MTD       | 3M     | YTD     | 1Y      | 3M                 | 6M       | YTD       | 1Y        |
| PYNELITE            | 21.349,4          | -6,56%    | -6,28% | -19,72% | -22,56% | -38,68             | -136,91  | -2.814,07 | -2.628,62 |
| Tianhong VN         | 14.768,2          | -5,29%    | -1,50% | -9,92%  | -11,25% | 0,00               | 0,00     | 0,00      | 413,05    |
| LVF                 | 9.957,5           | -3,68%    | -6,55% | -1,59%  | 0,20%   | 84,00              | 94,52    | 94,52     | 94,52     |
| VFMVSF              | 8.057,0           | -3,18%    | -4,07% | -13,29% | -15,82% | 0,00               | 0,00     | 0,00      | 0,00      |
| K - VIETNAM         | 6.352,8           | -0,98%    | 2,24%  | -8,96%  | -10,02% | -156,70            | -343,24  | -396,24   | -433,80   |
| DCDS                | 5.787,5           | -1,20%    | -0,08% | -13,73% | -13,19% | 58,65              | 250,38   | 718,62    | 1.806,32  |
| PRINCIPAL VNEQ-A    | 4.673,5           | -3,94%    | -1,72% | -16,65% | -19,33% | 0,00               | 0,00     | 0,00      | 0,00      |
| VNEFUND             | 4.610,9           | -2,46%    | -0,01% | -14,45% | -17,59% | -333,34            | -582,89  | 413,69    | 251,77    |
| VLGF                | 3.871,2           | -0,12%    | 2,78%  | -10,41% | -8,91%  | -108,90            | -342,39  | -498,76   | -575,51   |
| JFVNOPP             | 3.816,2           | -2,23%    | 0,96%  | -6,04%  | -1,66%  | 0,00               | 0,00     | 0,00      | 0,00      |
| EVESG               | 2.436,9           | -6,88%    | -5,14% | -5,00%  | -6,30%  | 0,00               | -0,34    | -0,35     | -0,35     |
| VINACAPITAL - VESAF | 2.316,2           | -0,17%    | 4,78%  | -5,55%  | -6,90%  | 26,23              | 5,72     | 41,13     | 100,80    |
| MOBIUS              | 2.115,5           | 0,00%     | 0,00%  | 0,00%   | 0,00%   | 2.249,28           | 2.249,28 | 2.249,28  | 2.249,28  |
| VINACAPITAL - VMEEF | 2.051,5           | -0,56%    | 2,09%  | -6,15%  | -6,88%  | -56,51             | -95,46   | 31,14     | 47,13     |
| VCBF - BCF          | 1.615,9           | -2,98%    | 1,40%  | -7,74%  | -2,78%  | 68,14              | 160,71   | 409,99    | 442,41    |
| VINACAPITAL - VEOF  | 1.581,1           | 0,94%     | 5,75%  | -7,48%  | -7,70%  | -21,87             | -30,12   | -8,82     | 175,24    |
| VINACAPITAL - VVF   | 1.576,0           | 3,63%     | 3,15%  | -2,50%  | -3,95%  | -24,39             | -108,60  | -34,14    | -44,99    |
| UVEF                | 1.442,1           | -2,17%    | 0,75%  | -10,80% | -5,52%  | 0,00               | 0,00     | 0,00      | 0,00      |
| KIMVGF              | 1.274,4           | 9,85%     | -3,62% | -4,53%  | 0,63%   | -23,17             | -15,81   | -28,58    | -59,28    |
| SSI - SCA           | 1.269,2           | -1,05%    | 1,95%  | -9,68%  | -8,44%  | -20,68             | 15,01    | 102,83    | 104,84    |

Nguồn: VikkiBankS Research tổng hợp





# CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH TUẦN 43-2026

Chủ Nhật, 25 Tháng Mười 2026

## HIỆU SUẤT & DÒNG TIỀN QUỸ ETF (Số liệu cập nhật đến ngày 22/10/2026)

| Mã                     | Tổng NAV (tỷ VND) | Hiệu suất |        |         |         | Dòng tiền (tỷ VND) |           |           |           |
|------------------------|-------------------|-----------|--------|---------|---------|--------------------|-----------|-----------|-----------|
|                        |                   | MTD       | 3M     | YTD     | 1Y      | 3M                 | 6M        | YTD       | 1Y        |
| VNM-ETF                | 12.436,3          | -3,37%    | -1,05% | -10,44% | -7,11%  | -604,51            | -791,11   | -2.744,03 | -2.744,10 |
| FUEVFN30               | 10.622,1          | -3,28%    | -0,55% | -14,64% | -14,74% | -12,06             | 156,55    | -268,82   | -144,90   |
| Xtrackers Vietnam Swap | 8.979,5           | -5,82%    | -1,17% | -8,14%  | -0,87%  | -264,92            | -423,84   | -151,62   | -451,8    |
| Fubon FTSE VN          | 8.521,0           | -3,42%    | 0,05%  | -5,63%  | 0,20%   | -253,25            | -1.483,45 | -2.037,62 | -2.145,63 |
| KIM ACE VN30           | 6.395,2           | -6,17%    | -2,09% | -9,15%  | -2,65%  | 1.158,80           | 889,24    | 888,75    | 888,75    |
| E1VFN30                | 5.826,2           | -3,65%    | 0,11%  | -5,97%  | -0,27%  | 96,49              | 25,38     | -208,47   | -0,90     |
| FUEKIV30               | 2.276,2           | -3,66%    | 0,17%  | -6,10%  | -0,41%  | -60,41             | -124,79   | -122,29   | -253,82   |
| MSCI VN                | 895,3             | -2,91%    | 1,26%  | -4,15%  | 2,78%   | -32,97             | 8,27      | 32,51     | 33,41     |
| FUEVN100               | 686,0             | -3,38%    | -0,91% | -6,16%  | -1,93%  | 36,97              | 36,66     | 87,41     | 112,19    |
| FUESSVFL               | 603,5             | -1,57%    | 3,11%  | -6,73%  | -10,22% | 69,80              | 69,98     | 111,43    | 149,86    |
| FUEMAV30               | 514,6             | -3,65%    | 0,10%  | -6,11%  | -0,47%  | -72,56             | -268,78   | -341,89   | -362,84   |
| KPHO                   | 295,7             | -0,92%    | 1,53%  | -8,79%  | 0,00%   | -0,01              | -0,03     | 166,54    | 357,78    |
| CGS Fullgoal           | 291,4             | -2,29%    | 0,27%  | -10,40% | -9,00%  | 17,49              | 54,67     | 27,73     | 0,16      |
| FUEDCMID               | 275,1             | 0,41%     | -0,20% | -15,07% | -20,79% | 2,33               | -18,85    | -17,87    | -17,87    |
| FUESSV30               | 252,8             | -3,69%    | 0,10%  | -6,53%  | -0,88%  | 16,80              | 16,52     | 28,20     | 38,00     |
| FUESSV50               | 195,0             | -3,23%    | -1,09% | -6,14%  | -1,30%  | 51,75              | 51,75     | 48,74     | 57,17     |
| FUEMAVND               | 186,9             | -3,33%    | -0,49% | -14,41% | -14,44% | -31,32             | -80,23    | -66,09    | -103,71   |
| FUEKIVFS               | 167,5             | -3,31%    | -1,40% | -3,75%  | -8,31%  | -87,06             | -87,06    | -87,05    | -95,67    |
| Premia Vietnam ETF     | 130,3             | -3,43%    | -0,43% | -5,41%  | 4,86%   | 0,00               | -34,33    | -34,33    | -50,84    |
| FUEVN50G               | 102,2             | -3,59%    | -1,54% | 0,00%   | 0,00%   | 0,00               | 0,00      | 0,00      | 0,00      |

Nguồn: VikkiBankS Research tổng hợp





HIỆU SUẤT NGÀNH

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH TUẦN 43-2026

Chủ Nhật, 25 Tháng Mười 2026

| Ngành                     | Hôm nay | 1 tuần | 1 tháng | 6 tháng | Từ đầu năm | 1 năm   |
|---------------------------|---------|--------|---------|---------|------------|---------|
| Năng lượng                | -0.54%  | 1.99%  | -5.58%  | 5.39%   | 40.54%     | 46.59%  |
| Nguyên vật liệu           | -0.15%  | 1.90%  | 3.41%   | -1.79%  | 11.86%     | 7.07%   |
| Công nghiệp               | -0.04%  | 3.10%  | 1.03%   | -0.11%  | -0.26%     | -3.88%  |
| Tiêu dùng không thiết yếu | 0.19%   | 5.38%  | 1.81%   | -9.66%  | -6.65%     | -3.40%  |
| Tiêu dùng thiết yếu       | -0.10%  | 1.32%  | -0.12%  | -0.67%  | -6.27%     | 6.11%   |
| Chăm sóc sức khỏe         | -0.42%  | -0.40% | -2.58%  | -14.03% | -15.97%    | -13.89% |
| Tài chính                 | 1.22%   | 2.53%  | -1.71%  | -2.67%  | -2.06%     | -4.57%  |
| Công nghệ thông tin       | -0.61%  | -1.23% | -14.14% | -15.76% | -34.37%    | -34.02% |
| Dịch vụ truyền thông      | -1.06%  | 1.55%  | -6.36%  | -16.37% | 33.09%     | 25.33%  |
| Tiện ích                  | 0.04%   | 1.70%  | -4.55%  | -1.78%  | 2.88%      | 10.91%  |
| Bất động sản              | 1.08%   | 7.60%  | -3.67%  | 1.77%   | 19.17%     | 50.87%  |

Nguồn: Vietstock, VikkiBankS Research tổng hợp





# CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH TUẦN 43-2026

Chủ Nhật, 25 Tháng Mười 2026

## CƠ CẤU DÒNG TIỀN NGÀNH

| Ngành                     | 23/10/2026 | 22/10/2026 | 21/10/2026 | 20/10/2026 | 19/10/2026 | 16/10/2026 |
|---------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Năng lượng                | 4.37%      | 5.80%      | 6.31%      | 3.46%      | 3.48%      | 6.68%      |
| Nguyên vật liệu           | 6.17%      | 7.79%      | 8.24%      | 9.71%      | 6.48%      | 6.52%      |
| Công nghiệp               | 10.78%     | 12.35%     | 10.80%     | 10.81%     | 8.69%      | 8.79%      |
| Tiêu dùng không thiết yếu | 7.51%      | 4.78%      | 5.55%      | 6.55%      | 4.94%      | 4.30%      |
| Tiêu dùng thiết yếu       | 5.82%      | 6.50%      | 6.27%      | 6.97%      | 5.94%      | 5.55%      |
| Chăm sóc sức khỏe         | 0.21%      | 0.27%      | 0.22%      | 0.19%      | 0.36%      | 0.90%      |
| Tài chính                 | 46.77%     | 37.02%     | 39.91%     | 41.20%     | 51.29%     | 45.17%     |
| Công nghệ thông tin       | 2.79%      | 4.10%      | 2.84%      | 1.81%      | 2.02%      | 2.16%      |
| Dịch vụ truyền thông      | 0.20%      | 0.36%      | 0.25%      | 0.26%      | 0.17%      | 0.23%      |
| Tiện ích                  | 1.15%      | 1.47%      | 1.22%      | 2.17%      | 1.06%      | 1.85%      |
| Bất động sản              | 14.24%     | 19.56%     | 18.38%     | 16.88%     | 15.56%     | 17.83%     |

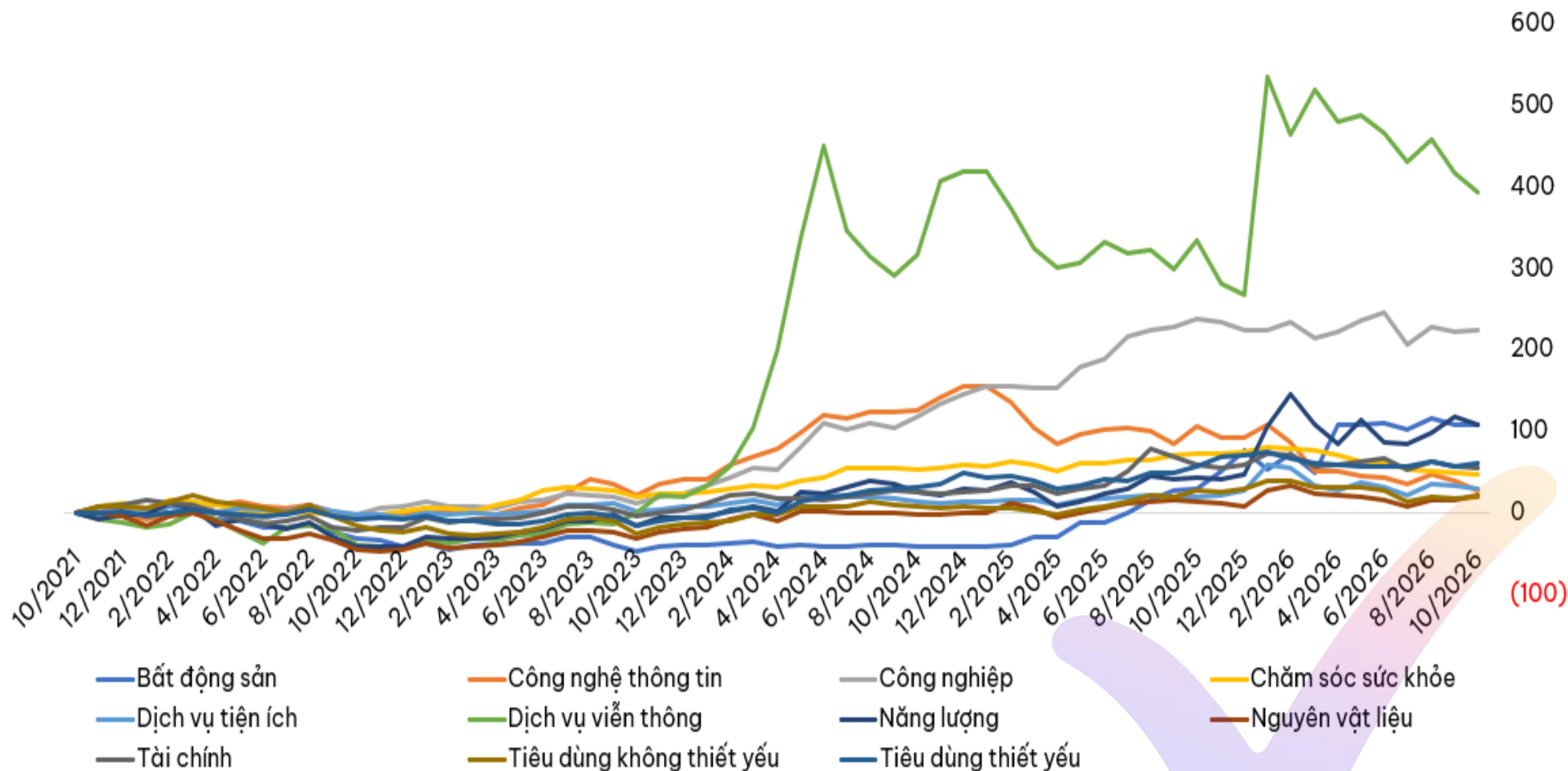
Nguồn: Vietstock, VikkiBankS Research tổng hợp



# CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH TUẦN 43-2026

Chủ Nhật, 25 Tháng Mười 2026

## HIỆU SUẤT NGÀNH 5 NĂM GẦN NHẤT



Nguồn: Vietstock, VikkiBankS Research tổng hợp





# CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH TUẦN 43-2026

Chủ Nhật, 25 Tháng Mười 2026

## HIỆU SUẤT DANH MỤC THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

| Mã CP                   | Ngày khuyến nghị | Vùng mua         | Mục tiêu         | Cắt lỗ   | Giá bán | Tỷ suất sinh lời | Trạng thái |
|-------------------------|------------------|------------------|------------------|----------|---------|------------------|------------|
| <a href="#">VPL</a>     | 18/08/2026       | ~75.200          | ~80.000-84.000   | <68.000  |         | +3,19%           | Nắm giữ    |
| <a href="#">NT2</a>     | 22/07/2026       | ~21.500          | ~22.500-24.000   | <20.500  |         | -2,56%           | Nắm giữ    |
| <a href="#">GMD</a>     | 03/07/2026       | ~74.000          | ~82.000-87.000   | <68.000  | 82.000  | +10,81%          | Chốt lãi   |
| <a href="#">NLG</a>     | 17/6/2026        | ~27.600          | ~32.000-35.000   | <24.500  | 23.700  | -14,13%          | Cắt lỗ     |
| <a href="#">DXG</a>     | 16/6/2026        | ~13.150          | ~15.000-16.000   | <11.000  | 11.350  | -13,69%          | Cắt lỗ     |
| <a href="#">GEX</a>     | 12/6/2026        | ~30.500          | ~36.000-45.000   | <27.000  | 26.000  | -14,75%          | Cắt lỗ     |
| <a href="#">SAB</a>     | 11/6/2026        | ~48.750          | ~52.000-57.000   | <45.000  |         | -0,33%           | Nắm giữ    |
| <a href="#">VCK</a>     | 9/6/2026         | ~33.500          | ~35.000-38.000   | <31.5000 | 31.250  | -6,72%           | Cắt lỗ     |
| <a href="#">VJC(**)</a> | 5/6/2026         | ~133,850         | ~142.310-169.230 | <111.540 |         | -6,61%           | Nắm giữ    |
| <a href="#">MWG</a>     | 4/6/2026         | ~75.000-78.500   | ~85.000-95.000   | <74.000  | 70.600  | -9,72%           | Nắm giữ    |
| <a href="#">VHC</a>     | 26/5/2026        | ~55.000-60.000   | ~80.000-90.000   | <50.000  |         |                  | Theo dõi   |
| <a href="#">FRT</a>     | 26/11/2025       | ~120.000-130.000 | ~140.000-150.000 | <120.000 |         |                  | Theo dõi   |
| <a href="#">NT2</a>     | 21/4/2026        | ~26.300          | ~34.000          | <23.000  | 24.800  | -5,70%           | Cắt lỗ     |
| <a href="#">PC1</a>     | 25/3/2026        | ~27.650          | ~34.000          | <25.500  | 30.000  | +8,49%           | Chốt lãi   |
| <a href="#">REE</a>     | 19/3/2026        | ~64.000          | ~73.000          | <58.000  | 73.500  | +14,84%          | Chốt lãi   |
| <a href="#">VCB</a>     | 25/2/2026        | ~64.800          | ~79.000          | <60.000  | 60.400  | -6,79%           | Cắt lỗ     |
| <a href="#">DPM</a>     | 5/1/2026         | ~22.800          | ~30.000          | <20.800  | 35.000  | +53,51%          | Chốt lãi   |
| <a href="#">CTR</a>     | 17/12/2025       | ~85.500          | ~96.500          | <79.000  | 109.000 | +28,30%          | Chốt lãi   |
| <a href="#">FRT</a>     | 26/11/2025       | ~141.500         | ~152.000         | <130.000 | 160.000 | +13,07%          | Chốt lãi   |
| <a href="#">HHV</a>     | 14/11/2025       | ~13.500          | ~14.500          | <13.000  | 14.300  | +7,04%           | Chốt lãi   |
| <a href="#">HPG</a>     | 11/11/2025       | ~26.500          | ~28,000          | <24.500  | 27.250  | +2,83%           | Chốt lãi   |
| <a href="#">VNM</a>     | 7/11/2025        | ~58.200          | ~61.200          | <55.000  | 63.200  | +8,59%           | Chốt lãi   |
| <a href="#">MSN</a>     | 6/11/2025        | ~77.000          | ~94.000          | <74.000  | 79.000  | +2,60%           | Chốt lãi   |
| <a href="#">IJC</a>     | 5/11/2025        | ~12.300          | ~14.500          | <11.000  | 12.400  | +0,81%           | Chốt lãi   |
| <a href="#">DGW</a>     | 31/10/2025       | ~41.000          | ~50.000          | <37.500  | 44.000  | +7,32%           | Chốt lãi   |
| <a href="#">MWG</a>     | 28/10/2025       | ~81.000          | ~110.000         | ~73.000  | 85.100  | +5,06%           | Chốt lãi   |



## NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ & LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG

### Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)

(Tỷ đồng)

100.000  
80.000  
60.000  
40.000  
20.000  
0  
-20.000  
-40.000  
-60.000  
-80.000



■ Giá trị bạm OMO ■ Giá trị hút OMO ■ Giá trị bạm ròng OMO

Nguồn: SBV, VikkiBankS Research tổng hợp

- Trong tuần 19-23/10, NHNN đảo chiều hút ròng hơn 9,869 nghìn tỷ đồng. Cụ thể, có hơn 1,65 nghìn tỷ trúng thầu trên kênh OMO, kỳ hạn từ 07 - 91 ngày với lãi suất 4,5%. Trong khi, giá trị đảo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt hơn 11,52 nghìn tỷ đồng.
- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng có xu hướng tiếp tục điều chỉnh giảm nhẹ so với cuối tuần trước. Cụ thể, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm từ mức 4,45% đã hạ nhiệt xuống còn 3,39% theo số liệu mới nhất được cập nhật (21/10). Các kỳ hạn từ 1 tuần - 1 tháng - 6 tháng dao động trong khoảng quanh ngưỡng 3-8%.

### Lãi suất liên ngân hàng

18,00%  
16,00%  
14,00%  
12,00%  
10,00%  
8,00%  
6,00%  
4,00%  
2,00%  
0,00%

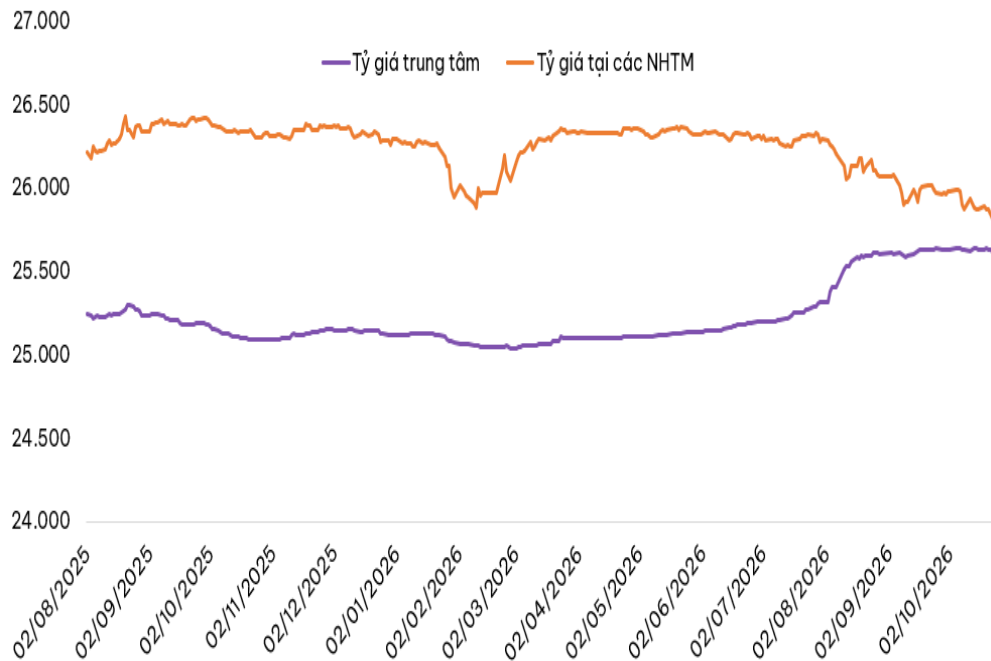


— Qua đêm — 1 tuần — 1 tháng — 6 tháng

Nguồn: SBV, VikkiBankS Research tổng hợp



Tỷ giá USD/VND



Nguồn: SBV, VikkiBankS Research tổng hợp

- Theo số liệu VikkiBankS tổng hợp, tỷ giá tại các ngân hàng thương mại (NHTM) giảm nhẹ xuống còn 25.826 VND/USD (-1,80% so với đầu năm). Bên cạnh đó, tỷ giá trung tâm giảm nhẹ xuống còn 25.627 VND/USD (+2,01% so với đầu năm). Trong bối cảnh đó, ở thị trường tự do, tỷ giá tăng lên mức 26.080 VND/USD (-2,76% so với đầu năm).
- Trong tuần 19-23/10/2026, DXY giảm 0,19%, từ 101,98 xuống 101,79 điểm, có thời điểm lùi về 101,61 điểm. Điểm nhấn là làn sóng bán tháo cổ phiếu công nghệ do lo ngại hiệu quả đầu tư AI, thúc đẩy dòng tiền chuyển sang trái phiếu Chính phủ Mỹ; lợi suất Treasury 10 năm giảm 19,5 điểm cơ bản trong ngày 22/10. Diễn biến này khiến thị trường giảm kỳ vọng Fed tiếp tục thắt chặt, trong khi giá dầu Brent tăng 3,9% trong tuần, lên 114,10 USD/thùng do căng thẳng Trung Đông, làm gia tăng rủi ro lạm phát toàn cầu. Đối với thị trường Việt Nam, DXY hạ nhiệt có thể góp phần giảm áp lực tỷ giá USD/VND, nhưng giá dầu cao và tâm lý né tránh rủi ro trên thị trường quốc tế vẫn là những yếu tố cần theo dõi.

Chỉ số Dollar (DXY)



Nguồn: SBV, VikkiBankS Research tổng hợp



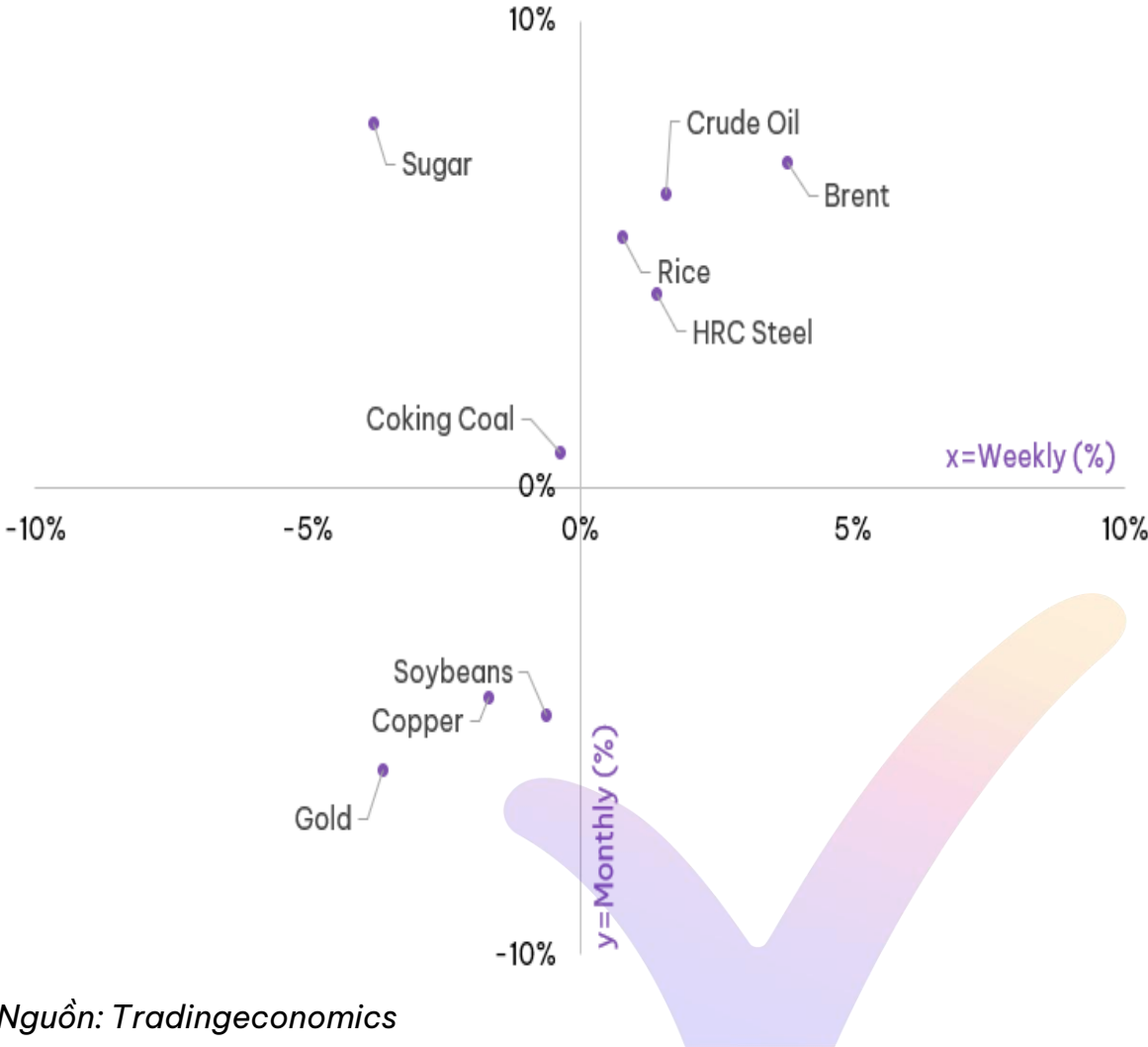


THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH TUẦN 43-2026

Chủ Nhật, 25 Tháng Mười 2026

| Name                | Price    | YoY     |
|---------------------|----------|---------|
| Crude Oil (USD/bbl) | 100,57   | 63,53%  |
| Brent (USD/bbl)     | 114,05   | 74,92%  |
| Coking Coal (USD/t) | 266,00   | 34,34%  |
| Gold (USD/t.oz)     | 4.016,27 | -2,33%  |
| Silver (USD/t.oz)   | 53,92    | 10,96%  |
| Copper (USD/lbs)    | 6,42     | 26,06%  |
| HRC Steel (USD/t)   | 1.375,00 | 63,11%  |
| Sugar (USD/lbs)     | 20,06    | 34,00%  |
| Soybeans (USD/bu)   | 1.253,37 | 20,31%  |
| Coffee (USD/lbs)    | 312,45   | -23,82% |
| Rice (USD/cwt)      | 17,46    | 71,80%  |



Nguồn: Tradingeconomics



# CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH TUẦN 43-2026

Chủ Nhật, 25 Tháng Mười 2026

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

## HỆ THỐNG CHI NHÁNH

### • Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

### • Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

### • Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Cổ phần Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

